**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,**

**thực vật của thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/5-20/6/2023**

**1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến Thành viên WTO**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/THA/662 | ATTP | Thái Lan | 20/6/2023 |  Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), Số … B.E. …. (....) ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 “Thực phẩm chức năng (Số 5)" | Bộ Y tế Công cộng Thái Lan (MOPH) đề xuất sửa đổi thông báo liên quan đến “Thực phẩm chức năng” như sau:Khoản 1. Khoản 5(5) trong thông báo của Bộ Y tế Công cộng (Số 293) B.E. 2548 mang tên “Thực phẩm chức năng” ngày 15 tháng 12 B.E. 2548 (2005) sẽ bị bãi bỏ và thay thế bằng nội dung sau:(5) Loại chưa vitamin hoặc khoáng chất với mức tối đa như quy định trong phụ lục của thông báo này và không được ít hơn 15% lượng tiêu thụ hàng ngày tham khảo của Thái Lan-THAI RDIs trong thông báo của Bộ Y tế Công cộng có tên "Ghi nhãn dinh dưỡng" cho thực phẩm bổ sung có mục đích cung cấp vitamin hoặc khoáng chất."Khoản 2. Thực phẩm chức năng chứa vitamin và khoáng chất được phép sử dụng theo Thông báo của Bộ Y tế (Số 293) B.E. 2548 mang tên “Thực phẩm chức năng” ngày 15 tháng 12 B.E. 2548 (2005) trước ngày thông báo này có hiệu lực vẫn có thể được bán nhưng không quá ba năm kể từ ngày thông báo này có hiệu lực.Khoản 3. Thông báo này có hiệu lực sau 180 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ. |
| 2 | G/SPS/N/NZL/723 | BVTV | Niu Di-lân | 20/6/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu của cây ươm - Sửa đổi mục lục *Vitis* | Bộ Công nghiệp cơ bản Niu Di lân (MPI) đề xuất bổ sung ba loại dịch hại mới thuộc diện điều chỉnh vào yêu cầu nhập khẩu đối với cây *Vitis* để trồng trọt. Các loại virus này là *Grapevine fabavirus, Grapevine leafroll-associated virus 2 “red Globe”* và *Grapevine virus E.* MPI đề xuất quy định xử lý cả ba loại vi-rút này bằng PCR trong quá trình kiểm dịch sau nhập cảnh. Các biện pháp này sẽ được yêu cầu sau biên giới ở Niu Di lân và sẽ không ảnh hưởng đến thương mại. MPI cũng đang đề xuất bỏ phương án nhập giống cây *vitis* hoặc cây *in vitro* có nguồn gốc từ cây mẹ khi được nhập khẩu từ một cơ sở từ nước ngoài đã được phê duyệt. Điều này sẽ không ảnh hưởng đến thương mại, vì hiện tại không có cơ sở nào được phê duyệt. Bản sửa đổi này đưa tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở vật chất của MPI. |
| 3 | G/SPS/N/TPKM/616 | TY | Đài Loan | 19/6/2023 | Dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu thức ăn cho chó mèo” liên quan đến Điều 17 (Phụ lục 15-1) của “Quy định nhập khẩu vật thể phải kiểm dịch động vật”  | Việc sửa đổi nhằm mục đích giảm phạm vi thức ăn cho chó và mèo phải kiểm dịch động vật bằng cách loại trừ các mặt hàng dưới đây. Các văn bản sửa đổi của dự thảo yêu cầu kiểm dịch được đánh dấu bằng màu đỏ và màu xanh lam. Các hạng mục bị loại trừ như sau:1. Thức ăn cho chó, mèo có thành phần từ bò và được sản xuất bằng quy trình đóng hộp tiệt trùng ở nhiệt độ cao;2. Thức ăn khô cho chó và mèo được sản xuất bằng quy trình ép đùn ở nhiệt độ cao và được đóng gói nguyên gốc của nhà sản xuất;3. Thức ăn cho chó, mèo ở dạng viên nang hoặc viên nén và được đựng nguyên trong bao bì của nhà sản xuất. |
| 4 | G/SPS/N/NPL/41 | ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY | Nepal | 19/6/2023 | Đề xuất cấm sử dụng giấy đã in làm vật liệu tiếp xúc trực tiếp | Cục Quản lý Chất lượng và Công nghệ thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển chăn nuôi Nepal đã đề xuất việc cấm sử dụng giấy đã in làm vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng thông qua việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm và tạo thuận lợi cho thương mại công bằng. |
| 5 | G/SPS/N/NPL/40 | CT | Nepal | 19/6/2023 | Đề xuất tiêu chuẩn cho chất béo chuyển hóa công nghiệp | Cục Quản lý Chất lượng và Công nghệ Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi Nepal đã đề xuất tiêu chuẩn về mức tối đa chất béo chuyển hóa công nghiệp trong mỡ thực vật và các loại thực phẩm được sản xuất sử dụng chất béo thực vật đó nhằm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng bằng cách kiểm soát chất lượng và an toàn của các sản phẩm thực phẩm và tạo thuận lợi cho thương mại công bằng. |
| 6 | G/SPS/N/KOR/781 | ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY | Hàn Quốc | 19/6/2023 | Đề xuất sửa đổi "Quy tắc thực thi của Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu" (Thông báo MFDS 2023-281) | Chỉ định phương án trong hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bằng cách bổ sung GMP và GFSI (đính kèm mẫu 16 của Quy chế thi hành Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu). |
| 7 | G/SPS/N/KOR/780 | TY | Hàn Quốc | 19/6/2023 | Đề xuất sửa đổi “Nghị định thi hành Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu” (Thông báo MFDS 2023-280) | Xác định phạm vi các sản phẩm động vật phải đánh giá vệ sinh tại Điều 1-2 Nghị định thực thi Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu như sau: Các sản phẩm thịt hoặc trứng khác, sản phẩm chứa thịt và sản phẩm chứa trứng. |
| 8 | G/SPS/N/GBR/37 | ATTP, BVTV, TY | Vương quốc Anh | 19/6/2023 | MRL GB mới cho fosetyl-Al sửa đổi đăng ký theo luật GB MRL | Potassium phosphonates và fosetyl-Al là các hoạt chất được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Các hoạt chất này phân hủy trong thực phẩm/thức ăn chăn nuôi tạo ra dư lượng axit photphonic. Các MRL được thiết lập cho hoạt chất fosetyl-Al cũng bao gồm các Potassium phosphonates.Ban Điều hành Sức khỏe và An toàn đã nhận được đơn yêu cầu thiết lập MRL mới cho fosetyl-Al cho toàn bộ dư lượng từ Potassium phosphonates trên lúa mì, khoai tây và các sản phẩm có nguồn gốc động vật. Sau khi đánh giá, các MRL mới đã được đưa ra để phù hợp với các quy định của GB đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa Potassium phosphonates.Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ kết quả báo cáo của người tiêu dùng khi tiếp xúc thấp hơn các giá trị tham chiếu độc tính và không có tác động có hại đối với sức khỏe con người. Khi mức dư lượng vượt quá các MRL hiện hành, các MRL mới sẽ được thông qua. |
| 9 | G/SPS/N/GBR/36 | ATTP, BVTV | Vương quốc Anh | 19/6/2023 | MRL GB mới cho cyflufenamid sửa đổi đăng ký theo luật GB MRL | Cyflufenamid là một hoạt chất đã được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Ban Điều hành sức khỏe và an toàn đã nhận được đơn kiến nghị đặt MRL mới cho hoa bia. Sau khi đánh giá, một MRL mới đã được giới thiệu để đặt dung sai.Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ kết quả báo cáo của người tiêu dùng khi tiếp xúc thấp hơn các giá trị tham chiếu độc tính và không có tác động có hại đối với sức khỏe con người. Khi mức dư lượng vượt quá các MRL hiện hành, các MRL mới sẽ được thông qua. |
| 10 | G/SPS/N/CRI/252 | BVTV | Costa Rica | 19/6/2023 | Danh sách các loài gây hại thuộc diện điều chỉnh của Costa Rica năm 2023. | Thiết lập danh sách dịch hại thuộc diện điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2023, dựa trên ISPM số 19: "Hướng dẫn về danh sách dịch hại thuộc diện điều chỉnh" 2003. ISPM số 19, FAO, Rome. Quy định này chủ yếu dựa trên "Quy định kỹ thuật RTCR: 379/2000: Thủ tục áp dụng các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các sản phẩm khác có khả năng mang dịch hại, Nghị định số 29.473-MEIC-MAG và hướng dẫn kỹ thuật tương ứng, ngoài việc ngăn chặn dịch hại tại các điểm nhập cảnh, tài liệu kỹ thuật, phân tích rủi ro dịch hại (ARP) được thực hiện đối với các loại dịch hại cụ thể và dịch hại quốc gia. |
| 11 | G/SPS/N/BRA/2179 | BVTV | Bra-xin | 19/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt rocket (*Eruca sativa*) từ bất kỳ nguồn gốc nào  | Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống rocket (*Eruca sativa*) (Loại 4) từ bất kỳ nguồn gốc nào. |
| 12 | G/SPS/N/BRA/2178 | BVTV | Bra-xin | 19/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt hoa cát tường (*Eustoma* spp.) từ bất kỳ nguồn gốc nào | Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống hoa cát tường (Loại 4) của bất kỳ nguồn gốc nào được thiết lập. Các loài được bao phủ gồm *Viola cornuta, Viola hybrida, Viola tricolor* và *Viola x wittrockiana*. |
| 13 | G/SPS/N/CAN/1509 | ATTP | Canada | 16/6/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách các enzyme thực phẩm được cho phép để sử dụng Maltogen alpha-Amylase từ *Bacillus subtilis* ROM trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên chất và các sản phẩm bánh nướng không chuẩn hóa | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đệ trình phụ gia thực phẩm xin phép sử dụng maltogenic alpha-amylase (α-amylase) từ *Bacillus subtilis* ROM trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì không chuẩn hóa. Mức sử dụng tối đa được yêu cầu đối với enzyme thực phẩm này là “Thực hành sản xuất tốt”Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường hỗ trợ α-amylase mạch nha an toàn từ ROM *B. subtilis* cho các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử maltogenic alpha-amylase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 9 tháng 6 năm 2023.Mục đích của tài liệu thông tin này là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 14 | G/SPS/N/BDI/55, G/SPS/N/KEN/211 G/SPS/N/RWA/48, G/SPS/N/TZA/277 G/SPS/N/UGA/252 | CT | Đông Phi | 16/6/2023 | DEAS 1160:2023 Đông Phi, dự thảo tiêu chuẩn cho ngũ cốc ăn sáng  | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với ngũ cốc ăn sáng dành cho người tiêu dùng |
| 15 | G/SPS/N/BDI/54, G/SPS/N/KEN/210 G/SPS/N/RWA/47, G/SPS/N/TZA/276 G/SPS/N/UGA/251 | CT | Đông Phi | 16/6/2023 | DEAS 781:2023, Đông Phi, dự thảo tiêu chuẩn cho bánh quy  | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm theo yêu cầu đối với bánh quy dành cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này cũng bao gồm bánh wafer và bánh cookie. |
| 16 | G/SPS/N/BDI/53 G/SPS/N/KEN/209 G/SPS/N/RWA/46 G/SPS/N/TZA/275 G/SPS/N/UGA/250 | CT | Đông Phi | 16/6/2023 | DEAS 173:2023, Đông Phi, dự thảo tiêu chuẩn cho mì ống  | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm theo yêu cầu đối với các sản phẩm mì ống có nguồn gốc từ bột mì (*Triticum Durum, Triticum Aestivum, Triticum Compactum*) hoặc bất kỳ loại bột mì phù hợp nào khác dành cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này áp dụng cho các sản phẩm mì sau đây như mì ống, mì spaghetti, bún, mì sợi, mì ống cắt ngắn, lasagna, mì ống tăng cường vi chất và các sản phẩm tương tự. |
| 17 | G/SPS/N/USA/3390 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 14/6/2023 | Sedaxane; Dung sai thuốc trừ sâu | Dự thảo quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng sedaxane trong hoặc trên hành, củ, phân nhóm 3-07A và rau, bầu bí, nhóm 9. |
| 18 | G/SPS/N/CHL/758 | BVTV | Chi-Lê | 14/6/2023 | Nghị quyết số 3.575 năm 2023: Sửa đổi Nghị quyết số 1.066 năm 2022 phê duyệt văn bản phối hợp và hệ thống hóa các Nghị quyết thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc thực vật khô và nguồn gốc được chỉ định, để tiêu dùng | Biện pháp được thông báo trong Nghị quyết số 1.066 năm 2022 rằng "phê duyệt văn bản phối hợp và hệ thống hóa các nghị quyết thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm có nguồn gốc thực vật khô và nguồn gốc được chỉ định để tiêu thụ", như sau: Biện pháp này được thay thế nghị quyết số 2.1 như sau: "2.1 Nó sẽ được chấp nhận như một tuyên bố bổ sung thay thế, rằng: 2.1.1. Dịch hại (s) không có ở nước xuất xứ, theo các hướng dẫn được thiết lập trong ISPM 8 "Xác định tình trạng của một loài dịch hại trong một vùng" Để tuân thủ tuyên bố bổ sung, quốc gia xuất xứ phải duy trì thông tin hỗ trợ và hồ sơ dịch hại, làm cơ sở để xác định tình trạng của quốc gia không có dịch hại, có tính đến lưu ý rằng dịch vụ có thể yêu cầu những hồ sơ này. 2.1.2. Lô hàng đến từ khu vực không có (các) loài gây hại, được Cơ quan dịch vụ chính thức công nhận thông qua Nghị quyết miễn trừ." |
| 19 | G/SPS/N/BRA/2176 | BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu nhân giống *Alstroemeria* (*Alstroemeria* spp*.*)  | Dự thảo - Các Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu nhân giống (Danh mục 4) của hoa thủy tiên(*Alstroemeria* spp.). |
| 20 | G/SPS/N/BRA/2175 | BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu nhân giống của giống cây bóng nước | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu nhân giống của giống cây bóng nước. |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2174 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1169, ngày 1 tháng 6 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết này đề xuất đưa các hoạt chất B29 – buprofezine, B46 – benzovindiflupir, B55 – emamectin benzoate, C36 – cyproconazole, C60 – zeta-cypermethrin, D36 – diphenoconazole, E33 – spyropidione, G05 – ammonium glufosinate, I21 – indoxacarb, I32 – isocycloseram, M47 – melaleuca alternifolia, M09 – novalurom, P13 – profenophos, P34 – pyriproxifem, P36 – pencicurom và T56 – trinexapaque ethyl trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy chuẩn 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 22 | G/SPS/N/THA/654 | TY | Thái Lan | 13/6/2023 | Lệnh của DLD về việc tạm dừng nhập khẩu lợn nhà, lợn rừng sống và xác của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của dịch tả lợn châu Phi. | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 7 tháng 3 năm 2023, việc tạm dừng nhập khẩu lợn nhà và lợn rừng sống và thân thịt của chúng từ Việt Nam đã hết hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, WOAH đã báo cáo rằng Dịch tả lợn châu Phi vẫn tiếp tục bùng phát trên địa bàn Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của dịch tả lợn châu Phi vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu lợn nhà và lợn rừng sống và thân thịt của chúng từ Việt Nam tạm thời bị đình trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2023 trở đi trên Công báo Hoàng gia Thái Lan. |
| 23 | G/SPS/N/EU/644 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 13/6/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1032 ngày 25 tháng 5 năm 2023 thiết lập các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của virus gây hại trên cà chua (*ToBRFV*) trong lãnh thổ Liên minh châu Âu và sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2020/1191. | Các yêu cầu nhập khẩu và các biện pháp nội bộ được đưa ra liên quan đến virus gây hại trên cà chua (*ToBRFV*). |
| 24 | G/SPS/N/EU/643 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 13/6/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1134 ngày 8 tháng 6 năm 2023 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập, thiết lập và lan rộng của sâu keo mùa thu (Smith) trong lãnh thổ Liên minh châu Âu, sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/2072 và bãi bỏ Quyết định thực hiện (EU) ) 2018/638 | Các yêu cầu nhập khẩu khẩn cấp liên quan đến sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda)*. |
| 25 | G/SPS/N/EU/642 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh Châu Âu | 13/6/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với (Z)-13-hexadecen-11-yn-1-yl axetat, (Z) ,Z,Z,Z)- 7,13,16,19-docosatetraen-1-yl isoburyrate, acrinathrin, azimsulfuron, famoxadone, methyl nonyl ketone, prochloraz và natri hypochlorite trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc cập nhật các MRL hiện có cho (Z)-13-hexadecen-11-yn-1-yl axetat, (Z,Z,Z,Z)-7,13,16,19-docosatetraen-1- yl isoburyrate, acrinathrin, azimsulfuron, famoxadone, methyl nonyl ketone, prochloraz và natri hypochlorite trong một số mặt hàng thực phẩm. MRL đối với các chất này trong một số mặt hàng nhất định được thay đổi. MRL thấp hơn được sẽ thay thế mức dư lượng cũ và việc phê duyệt sử dụng các hoạt chất đã hết hạn nên chúng không được cấp phép sử dụng trong Liên minh châu Âu. |
| 26 | G/SPS/N/EU/641 | CT. BVTV | Liên minh Châu Âu | 09/6/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1110 ngày 6 tháng 6 năm 2023 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/1793 về việc tăng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số quốc gia thứ ba thực hiện Quy định (EU) nhập khẩu 2017/625 và (EC) số 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu | Quy định thực thi số (EU) 2023/1110 ngày 06/6/2023 sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số nước thứ ba vào Liên minh thực hiện Quy định (EU) 2017/625 và (EC) số 178/2002 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng. Quy định có liên quan đến sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam như sau:Mì ăn liền có chứa gia vị/bột nêm hoặc nước sốt từ Việt Nam đã phải chịu mức độ kiểm soát chính thức gia tăng và các điều kiện đặc biệt khi gia nhập Liên minh do nguy cơ nhiễm ethylene oxide kể từ tháng 12 năm 2021. Các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện bởi Các quốc gia thành viên cho thấy những tiến bộ trong việc tuân thủ các yêu cầu liên quan được quy định trong pháp luật của Liên minh. Kết quả của những biện pháp kiểm soát đó cung cấp bằng chứng rằng việc đưa những thực phẩm đó vào Liên minh không tạo ra rủi ro nghiêm trọng đối với sức khỏe con người.Do đó không cần thiết phải tiếp tục quy định rằng mỗi lô hàng phải được kèm theo một giấy chứng nhận chính thức nêu rõ rằng tất cả các kết quả lấy mẫu và phân tích cho thấy tuân thủ Quy định (EC) số 396/2005. Đồng thời, các Quốc gia thành viên nên tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức để đảm bảo rằng mức độ tuân thủ hiện tại sẽ được duy trì. Sản phẩm mì ăn liền có chứa gia vị/bột nêm hoặc nước sốt từ Việt Nam tại Điểm 1 của Phụ lục II của Quy định thực thi (EU) 2019/1793 đã được xóa và chuyển sang Phụ lục I của Quy định với tần suất kiểm tra được đặt ở mức 20% các lô hàng mì ăn liền vào Liên minh.Trong Quy định này Việt Nam có 04 sản phẩm phải chịu biện pháp kiểm soát chính thức bao gồm: Ớt chuông, mì ăn liền có chứa gia vị/bột nêm hoặc nước sốt, đậu bắp và quả thanh long, cụ thể như sau:Tại Phụ lục I: Ớt chuông tần suất kiểm tra được đặt ở mức 50%, Mì ăn liền có chứa gia vị/bột nêm hoặc nước sốt tần suất kiểm tra được đặt ở mức 20%Tại Phụ lục II: Đậu bắp tần suất kiểm tra được đặt ở mức 50%; quả thanh long là 20% |
| 27 | G/SPS/N/AUS/565 | CLCB | Úc | 09/6/2023 | Rà soát rủi ro an toàn sinh học của tôm nhập khẩu từ tất cả các nước để làm thực phẩm cho người – báo cáo cuối cùng | Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp của Úc đã công bố báo cáo cuối cùng về rà soát các rủi ro an toàn sinh học đối với tôm nhập khẩu vào Úc từ tất cả các quốc gia dùng làm thực phẩm và đề xuất các điều kiện nhập khẩu của Úc đối với tôm và các sản phẩm từ tôm. |
| 28 | G/SPS/N/TPKM/615 | BVTV, CLCB, TY | Đài Loan | 08/6/2023 | Dự thảo tiêu chuẩn cho thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa | Quy định này nhằm xóa bỏ các hạng mục xử lý chiếu xạ liên quan đến mục đích phòng chống dịch bệnh động vật, thực vật và kiểm dịch. Trong tương lai, nó sẽ được tiếp tục dưới sự giám sát của Cục Kiểm tra và kiểm dịch sức khỏe động vật và thực vật, Hội đồng nông nghiệp và thiết lập một tiêu chuẩn quản lý khác. |
| 29 | G/SPS/N/IND/294 | CT | Ấn Độ | 08/6/2023 | Dự thảo quy định sửa đổi tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (đồ uống có cồn), 2023 | Dự thảo Quy định sửa đổi tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Đồ uống có cồn), năm 2023 liên quan đến tiêu chuẩn của rượu mật ong , bia thủ công, rượu Ấn Độ và khái niệm về đồ uống có cồn thấp/RTD, đồ uống làm từ rượu... |
| 30 | G/SPS/N/BRA/1720/Add.1 | CN, TY | Bra-xin | 08/6/2023 | Hướng dẫn quy chuẩn (Instrução Normativa) số 60, ngày 10 tháng 7 năm 2020 - Quy định thủ tục đăng ký sản phẩm dành cơ sở cho thức ăn chăn nuôi | Sắc lệnh SDA số 738, ngày 23 tháng 1 năm 2023 - Sửa đổi hướng dẫn quy chuẩn số 17, ngày 15 tháng 4 năm 2020, để gia hạn thời hạn di chuyển của các cơ sở đã đăng ký trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi cho hệ thống SIPEAGRO. Bao bì, nhãn mác có số đăng ký của cơ sở trước đó được sử dụng đến ngày 31 tháng 01 năm 2024. |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2171 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 06/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1168, ngày 25 tháng 5 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất T82 -(Z)-9,13-TETRADECADIENAL vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi hướng dẫn quy phạm 103 - vào ngày Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 (DOU - Diário Oficial da União). |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2170 | CN, TY | Bra-xin | 02/6/2023 | Pháp lệnh SDA số 798, ngày 10 tháng 5 năm 2023 - Thiết lập các tiêu chí và quy trình tối thiểu để sản xuất và sử dụng các sản phẩm thức ăn chăn nuôi có thuốc thú y | Quy định các tiêu chí và quy trình tối thiểu để sản xuất và sử dụng sản phẩm thức ăn chăn nuôi có thuốc thú y.Ngoài ra, bao gồm một tài liệu với một cải chính trong điều 26, § 3º. |
| 33 | G/SPS/N/BRA/2169 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1167, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất T81 - TOLPIRALATE vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi chỉ thị quy phạm 103 - trên Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 (DOU - Diário Chính thức của União). |
| 34 | G/SPS/N/BRA/2168 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1166, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất I33 - IPFLUFENOQUIM vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi chỉ thị quy phạm 103 - trên Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 (DOU - Diário Chính thức của União). |
| 35 | G/SPS/N/BRA/2167 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1165, ngày 18 tháng 5 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất F75 - FLUCARBAZONE SODIUM vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi chỉ thị quy phạm 103 - trên Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 (DOU - Diário Oficial da União). |
| 36 | G/SPS/N/BRA/2166 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1164, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất F76 - FLUINDAPIR vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi chỉ thị quy phạm 103 - trên Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 (DOU - Diário Chính thức của União). |
| 37 | G/SPS/N/BRA/2165 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1162, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất sửa đổi chuyên khảo về hoạt chất I23 - IPBC của danh sách chuyên khảo về hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi chỉ thị quy phạm 103 - trên Công báo Bra-xin 19 tháng 10 năm 2021 ( DOU - Diário Oficial da União). |
| 38 | G/SPS/N/TPKM/614 | ATTP | Đài Loan | 01/6/2023 | Dự thảo về các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với Liquid Mycelia Culture Powder của nấm bụng dê (*Morchella esculenta*) làm thành phần thực phẩm | Dự thảo quy chuẩn này quy định các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với Liquid Mycelia Culture Powdercủa nấm bụng dê (*Morchella esculenta*) dùng làm thực phẩm. |
| 39 | G/SPS/N/CHN/1281 | ATTP, CT | Trung Quốc | 01/6/2023 | Tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm tăng cường dinh dưỡng (6S)-5-methyltetrahydrofolic acid, muối glucosamine. | Tiêu chuẩn này áp dụng cho chất tăng cường dinh dưỡng thực phẩm (6S)-5- axit metyltetrahydrofolic, muối glucosamine được điều chế từ axit folic bằng phương pháp metyl hóa, muối hóa, kết tinh và đông khô. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp phát hiện đối với chất tăng cường dinh dưỡng thực phẩm (6S)-5- methyltetrahydrofolic acid, muối glucosamine. |
| 40 | G/SPS/N/CHN/1280 | ATTP, CT | Trung Quốc | 01/6/2023 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Phụ gia thực phẩm Cồn polyviny | Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm polyvinyl alcohol từ phương pháp etylen hoặc phương pháp axetylen. |
| 41 | G/SPS/N/CHN/1279 | ATTP, CT | Trung Quốc | 01/6/2023 | Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm: Phụ gia thực phẩm Nitơ Oxit sửa đổi số 1. | Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm: Phụ gia thực phẩm Nitơ Oxit. Đơn vị chỉ số của "nước /(μL/L)" trong Bảng 2 đã được sửa đổi như sau: "nước /(mL/L)". |
| 42 | G/SPS/N/CHN/1160/Add.1 | CT | Trung Quốc | 01/6/2023 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Sữa bột | Thông báo G/SPS/N/CHN/1160 được thông báo vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, tiêu chuẩn sữa bột đã sửa đổi chủ yếu các thuật ngữ và định nghĩa. |
| 43 | G/SPS/N/JPN/1210 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 31/05/2023 | Thiết lập miễn trừ yêu cầu MRL đối với dư lượng thuốc trừ sâu theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm | Việc thiết lập miễn trừ yêu cầu MRL đối với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Zinc oxide sẽ được quy định là "Chất không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe trong thực phẩm". |
| 44 | G/SPS/N/JPN/1209 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: Sethoxydim. |
| 45 | G/SPS/N/JPN/1208 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:Thuốc trừ sâu: Pyribencarb. |
| 46 | G/SPS/N/JPN/1207 | ATTP, BVTV, CT | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:Thuốc trừ sâu: Picarbutrazox. |
| 47 | G/SPS/N/JPN/1206 | ATTP, BVTV, CT, CLCB | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:Thuốc trừ sâu: Inpyrfluxam. |
| 48 | G/SPS/N/JPN/1205 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:Thuốc trừ sâu: Flutolanil. |
| 49 | G/SPS/N/JPN/1204 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 31/05/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:Thuốc trừ sâu: Bifenthrin. |
| 50 | G/SPS/N/EU/640 | ATTP, TY | Liên Minh Châu Âu | 31/05/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban Liên minh châu Âu 2023/981 sửa đổi Quy định số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất praziquantel theo giới hạn dư lượng tối đa trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | Quy định mức MRL mới liên quan đến chất praziquantel trên/trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Praziquantel | Sản phẩm | MRL |
| Tất cả động vật nhai lại trừ bò, ngựa | Không áp dung |
| Cá (Cơ và da theo tỷ lệ tự nhiên) | 20 μg/kg |

 |
| 51 | G/SPS/N/EU/639 | ATTP, BVTV | Liên Minh Châu Âu | 31/05/2023 | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất S-metolachlor, theo Quy định Ủy ban Châu Âu số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường, và sửa đổi Phụ lục của Quy định Thực hiện Ủy ban Liên minh Châu Âu số 540/2011 | Các quốc gia thành viên EU sẽ rút quy định cho phép sử dụng đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất S-metolachlor. Việc không tiếp tục phê duyệt này dựa trên đánh giá đầu tiên về chất được sử dụng làm hoạt chất trừ sâu ở Liên minh Châu Âu theo Quy định (EC) số 1107/2009. Chất này trước đây đã được đánh giá và phê duyệt theo Chỉ thị 91/414/EEC. |
| 52 | G/SPS/N/CAN/1508 | ATTP, CLCB | Canada | 31/05/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách Các chất tạo màu được phép thêm vào khi sử dụng vàng cho các sản phẩm cá hồi hun khói lạnh. | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đệ trình phụ gia thực phẩm xin cấp phép sử dụng vảy vàng như một chất trang trí trên bề mặt của các sản phẩm cá hồi hun khói ăn liền, nguội.Vàng đã được phép sử dụng ở Canada trong rượu mùi và đồ uống có cồn không chuẩn hóa.Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường ủng hộ sự an toàn của vàng đối với mục đích sử dụng được yêu cầu.Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng vàng như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các chất tạo màu được phép, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 5 năm 2023.Mục đích của tài liệu thông tin này là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này |
| 53 | G/SPS/N/CAN/1507 | ATTP | Canada | 31/05/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách Các enzym thực phẩm được phép sử dụng để dùng cho Carboxypeptidase D từ *Aspergillus oryzae* AT1727 trong các loại thực phẩm khác nhau | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đệ trình phụ gia thực phẩm xin phép sử dụng carboxypeptidase D, một loại protease từ *Aspergillus oryzae* AT1727 trong các loại thực phẩm khác nhau.Mức sử dụng tối đa được yêu cầu đối với enzyme thực phẩm này là Thực hành sản xuất tốt.Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh tính an toàn của carboxypeptidase D từ *A. oryzae* AT1727 cho các mục đích sử dụng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng carboxypeptidase D từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 5 năm 2023.Mục đích của tài liệu thông tin này là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 54 | G/SPS/N/USA/3389 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/05/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiện về tồn dư hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau; Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 55 | G/SPS/N/USA/3388 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/05/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiện về tồn dư hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hang hóa khác nhau; Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến | Tài liệu này thông báo rằng Cơ quan đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 56 | G/SPS/N/JPN/1203 | BVTV | Nhật Bản | 30/05/2023 | Sửa đổi danh sách các sinh vật sống được quản lý theo Đạo luật về các loài ngoại lai xâm lấn | Chỉ định *Anoplophora glabripennis* và *Apriona swainsoni* là loài ngoại lai xâm lấn (IAS). |
| 57 | G/SPS/N/THA/614/Add.1 | BVTV | Thái Lan | 26/05/2023 | Dự thảo Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã V/v đặc điểm kỹ thuật của thực vật từ một số nguồn nhất định là vật phẩm bị cấm, ngoại lệ và điều kiện theo Đạo luật Kiểm dịch Thực vật B.E. 2507 (No. ..) B.E. …. (….) | Thông báo "Dự thảo của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã V/v: Đặc điểm kỹ thuật của thực vật từ một số nguồn là vật phẩm bị cấm, ngoại lệ và điều kiện theo Đạo luật Kiểm dịch Thực vật B.E. 2507 (Số ..) B.E. …. (….)" có đã được Bộ Nông nghiệp (DOA), Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã thông báo trước đó trong G/SPS/N/THA/614 ngày 25 tháng 1 năm 2023.Để ngăn chặn sự xâm nhập của dịch hại kiểm dịch vào Thái Lan, Bộ Nông nghiệp đề xuất dự thảo Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã quy định rằng trái cây tươi thuộc chi *Vaccinium* nhập khẩu từ tất cả các nước đều bị coi là hàng cấm. Theo Điều 8 của Đạo luật kiểm dịch thực vật B.E. 2507 (1964) và sửa đổi, việc nhập khẩu các mặt hàng bị cấm phải được phép, kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, được phân tích nguy cơ dịch hại và tuân thủ các tiêu chí, thủ tục và điều kiện do Tổng cục trưởng Tổng cục Nông nghiệp quy định theo khuyến nghị của Ủy ban và được đăng trên Công báo Chính phủ.Điều đó có nghĩa là tất cả các loại trái cây tươi thuộc chi *Vaccinium* từ tất cả các quốc gia đều không được phép nhập khẩu vào Thái Lan sau khi Thông báo nêu trên có hiệu lực.Để ngăn chặn sự gián đoạn thương mại, các quốc gia dự định xuất khẩu trái cây tươi thuộc chi *Vaccinium* sang Thái Lan nên đưa ra yêu cầu tiếp cận thị trường chính thức tới Bộ Nông nghiệp và cung cấp thông tin cần thiết để phân tích nguy cơ dịch hại được nêu trong Thông báo của Bộ Nông nghiệp về: Thông số kỹ thuật , phương pháp và điều kiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với việc nhập khẩu các mặt hàng bị cấm ngày 11 tháng 7 B.E. 2550 (2007)(G/SPS/N/THA/158/Add.1) trong vòng 60 ngày kể từ ngày thông báo. Sau đó, phân tích nguy cơ dịch hại sẽ được bắt đầu. Các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu sẽ được thiết lập dựa trên kết quả phân tích nguy cơ dịch hại. Việc cho phép nhập khẩu trái cây tươi thuộc chi *Vaccinium* cũng được yêu cầu kiểm tra tại chỗ các thủ tục chứng nhận xuất khẩu. Chi phí đánh giá tại chỗ được quy định của Bộ Nông nghiệp là do các nước xuất khẩu chịu. |
| 58 | G/SPS/N/RUS/265 | BVTV | Liên Bang Nga | 26/05/2023 | Nghị quyết của chính phủ Liên bang Nga số 532 ngày 03 tháng 4 năm 2023; Nghị định của chính phủ Liên bang Nga số 3835-r ngày 8 tháng 12 năm 2022 | Các nghị quyết đặt ra các quy tắc trong kiểm soát nhà nước, trong đó bao gồm:- Đánh giá sự phù hợp của hạt giống nhập khẩu với các yêu cầu về đặc tính giống và gieo (trồng) của hạt giống cây trồng nông nghiệp, bao gồm các yêu cầu bổ sung (đặc biệt) đối với đặc tính giống và gieo (trồng) của hạt giống nhập khẩu vào Liên bang Nga;- Lấy mẫu hạt giống nhập khẩu để thử nghiệm và (hoặc) đánh giá, bao gồm cả việc phát hiện các sinh vật biến đổi gen trong hạt giống nhập khẩu, theo tiêu chuẩn quốc gia và liên bang. |
| 59 | G/SPS/N/HKG/48 | ATTP | Hồng Kông | 26/05/2023 | Tài liệu tham vấn về đề xuất sửa đổi chất bảo quản trong quy định thực phẩm (Cap. 132BD) | Chính quyền Đặc khu hành chính Hồng Kông đề xuất, thông qua sửa đổi pháp luật, cập nhật quy định kiểm soát chất bảo quản và chất chống oxy hóa trong thực phẩm, nhằm tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, thúc đẩy hài hòa các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thực phẩm buôn bán. Quy định chủ yếu liên quan đến việc cập nhật các định nghĩa về "chất bảo quản" và "chất chống oxy hóa", danh sách các chất bảo quản và chất chống oxy hóa được phép sử dụng cũng như mức tối đa cho phép của các chất bảo quản và chất chống oxy hóa được phép đó trong thực phẩm cụ thể. |
| 60 | G/SPS/N/EU/638 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 26/05/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/950 ngày 12 tháng 5 năm 2023 sửa đổi Quy định (EU) 2017/2470 liên quan đến các điều kiện sử dụng thực phẩm mới 2'-Fucosyllactose | Dự luật này cho phép thay đổi các điều kiện sử dụng 2'-Fucosyllactose để loại bỏ điều kiện bắt buộc khi 2' Fucosyllactose được sử dụng kết hợp với Lacto-N-neotetraose trong sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo cũng như trong đồ uống có nguồn gốc từ sữa và các sản phẩm tương tự dành cho trẻ nhỏ, ở mức cho phép hiện tại lên đến 1,2 g/l, chúng chỉ nên được sử dụng ở tỷ lệ 2:1 (hai phần 2'- Fucosyllactose và một phần Lacto-N-neotetraose) . |
| 61 | G/SPS/N/EU/637 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 26/05/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/961 ngày 12 tháng 5 năm 2023 sửa đổi Quy định (EU) 2017/2470 liên quan đến các điều kiện sử dụng thực phẩm mới Lacto-N-neotetraose | Dự luật này cho phép thay đổi các điều kiện sử dụng Lacto-N-neotetraose được sử dụng trong sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo ở mức cho phép hiện tại lên tới 0,6 g/l, mà không bắt buộc phải sử dụng kết hợp với 2 ′- Fucosyllactose với tỷ lệ sử dụng 1:2 (một phần Lacto-N-neotetraose với hai phần 2′- Fucosyllactose). Ngoài ra, biện pháp này cũng loại bỏ việc bắt buộc sử dụng Lacto-N-neotetraose kết hợp với 2′-Fucosyllactose theo tỷ lệ sử dụng 1:2 trong đồ uống làm từ sữa và các sản phẩm tương tự dành cho trẻ nhỏ mà không cần bổ sung riêng rẽ hai loại thực phẩm mới này. |
| 62 | G/SPS/N/EU/636 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 26/05/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/951 ngày 12 tháng 5 năm 2023 sửa đổi Quy định (EU) 2017/2470 liên quan đến các thông số kỹ thuật của chiết xuất protein thực phẩm mới từ thận lợn | Biện pháp này cho phép quy trình sản xuất sử dụng axeton rửa thận lợn để thu được chiết xuất protein và sử dụng sắc ký lỏng hiệu năng cực cao được liên kết với phát hiện huỳnh quang (UHPLC-FLD) như một phương pháp bổ sung cho phương pháp hiện được cho phép để xác định hoạt tính enzym của Diamine Oxidase (DAO) có trong protein được chiết xuất. |
| 63 | G/SPS/N/USA/3381/Add.1 | ATTP, TY | Hoa Kỳ | 25/05/2023 | Quyết định được đề xuất và yêu cầu góp ý: *Salmonella* trong các sản phẩm gà nhồi tẩm bột ăn liền không ăn liền. | Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Cục Thanh tra và An toàn Thực phẩm (FSIS) gia hạn thời hạn nhận góp ý về quy định được đề xuất và yêu cầu nhận xét về đề xuất tuyên bố *Salmonella* là chất tạp nhiễm trong các sản phẩm gà nhồi tẩm bột không ăn liền (NRTE). Hạn để lấy ý kiến ban đầu là ngày 27 tháng 6 năm 2023. Quyết định được đề xuất và Yêu cầu nhận xét sẽ được mở để lấy ý kiến thêm 30 ngày nữa, cho đến ngày 27 tháng 7 năm 2023.FSIS đang đề xuất rằng các sản phẩm gà nhồi tẩm bột NRTE có chứa *Salmonella* ở mức 1 đơn vị hình thành khuẩn lạc (CFU) trên gam hoặc cao hơn là bị tạp nhiễm theo định nghĩa của Đạo luật Thanh tra Sản phẩm Gia cầm (PPIA). Mặc dù việc ghi nhãn của các sản phẩm này đã có những thay đổi đáng kể theo thời gian để thông báo rõ hơn cho người tiêu dùng rằng chúng còn sống và cung cấp hướng dẫn về cách chế biến chúng một cách an toàn, nhưng các sản phẩm gà nhồi tẩm bột NRTE vẫn tiếp tục có liên quan đến sự bùng phát dịch bệnh do *Salmonella*. Do đó, FSIS đã kết luận rằng các biện pháp y tế công cộng trong nước tập trung chủ yếu vào việc ghi nhãn sản phẩm và thực hành xử lý của người tiêu dùng đã không hiệu quả trong việc ngăn ngừa các bệnh truyền qua thực phẩm khác liên quan đến các sản phẩm gà nhồi tẩm bột NRTE. FSIS cũng đang đề xuất tiến hành các quy trình xác minh tại các cơ sở được quản lý, bao gồm lấy mẫu và xét nghiệm thành phần thịt gà của các sản phẩm này trước khi nhồi và tẩm bột, để đảm bảo các cơ sở sản xuất kiểm soát được vi khuẩn *Salmonella* trong các sản phẩm này.FSIS mời những người quan tâm gửi góp ý về quyết định được đề xuất này và các quy trình xác minh được đề xuất. FSIS đặc biệt yêu cầu nhận xét về các cơ sở thay thế để xác định sự tạp nhiễm của các sản phẩm NRTE nhồi tẩm bột. Vui lòng gửi góp ý trước ngày 27 tháng 7 năm 2023. |
| 64 | G/SPS/N/CHE/93 | ATTP, BVTV | Thụy Sĩ | 25/05/2023 | Pháp lệnh của DFI liên quan đến thông tin về thực phẩm. | Các nhà sản xuất được phép chỉ ra các chất gây dị ứng tiềm ẩn (phát hiện ra hoặc hỗn hợp không được định trước) có hàm lượng dưới mức tối đa được xác định.Chỉ trong trường hợp này mới được phép sử dụng các thuật ngữ chung như "quả hạch", "quả có vỏ cứng" hoặc "hạt ăn được" cho các chất gây dị ứng theo Phụ lục 6 số 8 của Pháp lệnh ghi nhãn thực phẩm hoặc "ngũ cốc chứa gluten" đối với các chất gây dị ứng theo Phụ lục 6 số 1 trong trường hợp như vậy. Cần lưu ý rằng sự có mặt của đậu phộng luôn phải được chỉ định riêng vì chúng khác biệt về mặt thực vật học và dị ứng với các loại hạt (Phụ lục 6 mục 5). |
| 65 | G/SPS/N/CHE/92 | BVTV | Thụy Sĩ | 25/05/2023 | Pháp lệnh của DFI về thực phẩm có nguồn gốc thực vật, nấm và muối ăn | Sửa đổi danh mục thực vật, các bộ phận của thực vật cũng như các chế phẩm và chất của chúng không được dùng làm thực phẩm cũng như không được dùng để sản xuất thực phẩm.Phụ lục 1 hiện tại (không có trong thông báo này) liệt kê các loại thực vật không được phép sử dụng riêng làm thực phẩm. Bản sửa đổi này hoàn thiện Phụ lục với một phần mới về các chất và chế phẩm có nguồn gốc từ thực vật. Cập nhật Phụ lục với các điều khoản của Quy định (EU) số 2021/4681. Do đặc tính gây độc gen và gây ung thư, các chất và chế phẩm có nguồn gốc từ lá của loài lô hội bị cấm sử dụng trong thực phẩm, phù hợp với bản mô tả trong phiên bản thứ 2 của danh sách các chất của Cộng hòa Liên bang Đức và các Bang thuộc Đức. |
| 66 | G/SPS/N/CHE/91 | TY, CLCB | Thụy Sĩ | 25/05/2023 | Pháp lệnh của DFI về thực phẩm có nguồn gốc động vật. | Các loài ốc thuộc họ Helicidae, Hygromiidae hoặc Sphincterochilidae được thêm vào danh sách các loài ốc được phép làm thực phẩm cho người.Chân ếch thuộc giống *Pelophylax* thuộc họ Ranidae và giống *Fejervarya, Limnonectes* và *Hoplobatrachus* thuộc họ Dicroglossidae được thêm vào danh sách động vật được phép làm thực phẩm cho con người.Do thói quen ăn uống thay đổi, chân ếch và ốc sên của các loài khác cũng được sản xuất và đưa ra thị trường tiêu thụ cho con người. Do đó, các quy tắc vệ sinh cụ thể nên được mở rộng để áp dụng cho các loài đó nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ các loài này. |
| 67 | G/SPS/N/CHE/90 | CLCB, TY | Thụy Sĩ | 25/05/2023 | Pháp lệnh của DFI về mức độ tối đa của chất gây ô nhiễm | Dựa trên Quy định (EU) 2022/2388, mức tối đa đối với bốn chất perfluoroalkyl (PFAS): axit sulfonic perfluorooctane (PFOS), axit perfluorooctanoic (PFOA), axit perfluorononanoic (PFNA), axit sulfonic perfluorohexane (PFHxS) và tổng quát của chúng được giới thiệu cho nhiều loại thực phẩm có nguồn gốc động vật. |
| 68 | G/SPS/N/USA/3387 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 24/05/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiện về tồn dư hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hang hóa khác nhau; Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến | Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về kiến nghị yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 69 | G/SPS/N/USA/3343/Corr.1 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 24/05/2023 | Spiropidion; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng  | Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã ban hành quy tắc cuối cùng trong Sổ đăng ký Liên bang ngày 20 tháng 7 năm 2022, thiết lập mức cho phép đối với dư lượng spiropidion diệt côn trùng và các chất chuyển hóa của nó trong hoặc trên nhiều mặt hàng do Syngenta Crop Protection, LLC dề xuất theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang ( FIFRA). Tài liệu đó đã vô tình viết sai danh pháp được liệt kê cho định nghĩa dư lượng của chất chuyển hóa spiropidion SYN547305. |
| 70 | G/SPS/N/GBR/35 | ATTP, BVTV, TY | Vương Quốc Anh | 23/05/2023 | GB dự thảo sửa đổi MRLs cho cyantraniliprole theo luật GB MRL | Cyantraniliprole là một hoạt chất đã được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Ban Điều hành Sức khỏe và An toàn đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới cho cải thảo, cải xoăn, tỏi tây và sữa. Sau khi đánh giá, các MRL mới (được nâng cao) đã được đưa ra để phù hợp với các quy định mới đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật ở Vương quốc Anh. Đối với tỏi tây, hiện có MRL tạm thời (tMRL) là 0,6 mg/kg sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 5 năm 2027. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2027, MRL 0,01\* mg/kg sẽ được áp dụng. Tuy nhiên, khi tMRL hết hạn, MRL mới là 0,3 mg/kg sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 6 năm 2027.Đối với cải thảo, hiện có MRL tạm thời (tMRL) là 20 mg/kg sẽ hết hiệu lực vào ngày 20 tháng 6 năm 2027. Từ ngày 21 tháng 6 năm 2027, MRL 0,01\* mg/kg sẽ được áp dụng.Tuy nhiên, dựa trên đánh giá rủi ro được cập nhật, MRL không còn được thiết lập trên cơ sở tạm thời và sẽ không hết hạn vào ngày 20 tháng 6 năm 2027. MRL tiêu chuẩn ở mức 20 mg/kg hiện đã được áp dụng.Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ kết quả báo cáo của người tiêu dùng khi tiếp xúc thấp hơn các giá trị tham chiếu độc tính và không có tác động có hại đối với sức khỏe con người. Vì mức dư lượng vượt quá MRL hiện hành (đối với tỏi tây, MRL mới vượt quá MRL trong tương lai là 0,01\* mg/kg khi tMRL hết hạn), nên các MRL mới hoặc tăng sẽ được áp dụng. |
| 71 | G/SPS/N/THA/647 | TY | Thái Lan | 22/05/2023 | Yêu cầu của DLD về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và xác gia cầm từ Việt Nam nhằm ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm độc lực cao (Subtype H5N1). | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 6 tháng 2 năm 2023, việc tạm dừng nhập khẩu gia cầm sống và thân thịt gia cầm từ Việt Nam kể từ ngày 7 tháng 2 năm 2023 đã hết hiệu lực vào ngày 7 tháng 5 năm 2023. Tuy nhiên, WOAH đã báo cáo về sự bùng phát liên tục của vi khuẩn có khả năng gây bệnh cúm gia cầm (HPAI) trên địa bàn Việt Nam. Do đó, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và thân thịt gia cầm từ Việt Nam bị tạm dừng nhập khẩu trong thời gian 90 ngày kể từ ngày 8 tháng 5 năm 2023 trở đi trên Công báo Hoàng gia Thái Lan. |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/CAN/1495/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 20/6/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Prothioconazole | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với prothioconazole được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1495 (ngày 21 tháng 3 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2023.MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,9                      | Đậu khô có vỏ, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu Hà Lan khô bóc vỏ (phân nhóm cây trồng 6-21F)2 |

 1 ppm = phần triệu2 MRL được thiết lập trước đó là 0,9 ppm cho phân nhóm cây trồng 6C, ngoại trừ đậu tương được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong phân nhóm cây trồng 6-21E (đậu khô còn vỏ, trừ đậu tương) và phân nhóm cây trồng 6-21F (đậu không còn vỏ).Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1494/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 20/6/2023 |  Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Mefentrifluconazole | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với mefentrifluconazole được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1494 (ngày 21 tháng 3 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2023.MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,15 | Rau họ đậu (nhóm cây trồng 6-21), trừ đậu lăng khô và đậu tương khô |
| 1 ppm = phần triệu2 MRL được thiết lập trước đó là 0,15 ppm cho nhóm cây trồng 6 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô) được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 6-21 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô). Các MRL đã được thiết lập cho đậu lăng khô và đậu tương khô ở mức tương ứng là 2,0 ppm và 0,4 ppm sẽ không thay đổi do quy định PMRL này. |

Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 3 | G/SPS/N/BRA/2139/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1147, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1147, ngày 10 tháng 2 năm 2023 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2139 đề xuất đưa hoạt chất *A71 - 1-*Aminocyclopropane-1-carboxylic acid vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt chất cho Thuốc trừ sâu, Sản phẩm tẩy rửa gia dụng và Chất bảo quản gỗ, được xuất bản theo Hướng dẫn quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn 231, ngày 1 tháng 6 năm 2023. |
| 4 | G/SPS/N/BRA/2138/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1146, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1146, ngày 10 tháng 2 năm 2023 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2138 đề xuất đưa hoạt chất *T80 - (Z)-*tricos-9-ene vào danh mục hoạt chất chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, Sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy chuẩn 230, ngày 1 tháng 6 năm 2023. |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2137/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1145, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1145, ngày 10 tháng 2 năm 2023 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2137 đề xuất đưa hoạt chất *B62 -* Brevibacillus parabrevis vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và Chất bảo quản gỗ, do Hướng dẫn Quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 xuất bản trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy chuẩn 229, ngày 1 tháng 6 năm 2023. |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2135/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1145, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1142, ngày 9 tháng 2 năm 2023 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2135 đề xuất đưa vào các hoạt chất A26–azoxystrobin, B29–buprofezine, B37–potassium bicarbonate, C63–lambda- cyyothrine , C70-chloranthraniliprole, C74-cyantraniliprole, D25–diurom, D36-diphenoconazole, F49–fludioxonil, F50-phostiazate, và F68-fluxapyroxa trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn 103 – Ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), được thông qua làm Hướng dẫn Quy phạm 228, ngày 1 tháng 6 năm 2023. |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2132/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1143, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1143, ngày 9 tháng 2 năm 2023 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2132 đề xuất đưa vào hoạt chấtB26 – bifentrine, F74 – phenpropidine, I13 – imidacloprid, I26 – ipconazole, M17 – metomyl, M31 – metalaxyl - m, P61 – pyroxasulphone, S13 – s-metolacchlor, T12 – tiabendazole, T39 – terbutylazine, T70 – tolfenpirad, và Z04 – zoxamide trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy chuẩn 103 – ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy chuẩn 227, ngày 1 tháng 6 năm 2023. |
| 8 | G/SPS/N/BRA/2081/Add.2 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1117, ngày 22 tháng 9 năm 2022 | Hướng dẫn Quy chuẩn 204 được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2081/Add.1 đề xuất đưa vào các hoạt chất A26–Azoxystrobin, A29–Acetamiprid, A67-Afidopyropene, B46-Benzovindiflupyr, C36– Cyproconazole, D36–Difenoconazole, E30-Etoxazole, F36–Flutriafol, I30–Impirfluxam, P21–Propiconazole, P43–Pyrimethanil, T32-Tebuconazole, T39-terbuthylazine trong danh sách các Thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được đính chính. |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1158/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật | 09/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn về mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) đối với zoxamide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1158 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 10 | G/SPS/N/TPKM/606/Add.1 | CT | Đài Loan | 08/6/2023 | Sử dụng hạn chế và yêu cầu ghi nhãn đối với chiết xuất hạt giống bông cải xanh (*Brassica oleracea var. italica*) làm thành phần thực phẩm | Đài Loan muốn thông báo rằng "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với chiết xuất hạt bông cải xanh (*Brassica oleracea var. italica*) làm thành phần thực phẩm" theo G/SPS/N/TPKM/ 606 ngày 17 tháng 02 năm 2023, ban hành ngày 8 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực cùng ngày. |
| 11 | G/SPS/N/TPKM/603/Add.1 | TY | Đài Loan | 08/6/2023 | Sử dụng các hạn chế và yêu cầu ghi nhãn đối với Lysozyme thủy phân lòng trắng trứng gà như một thành phần thực phẩm | Đài Loan thông báo "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với Lysozyme thủy phân lòng trắng trứng gà làm thành phần thực phẩm" theo G/SPS/N/TPKM/603 vào ngày 15 tháng 2 năm 2023 , được ban hành vào ngày 8 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực cùng ngày. |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1157/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh an toàn thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) đối vớitTrinexapac-ethyl được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1157 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 13 | G/SPS/N/JPN/1156/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh an toàn thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) đối với pyridalyl được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1156 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 14 | G/SPS/N/JPN/1155/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh an toàn thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) đối với pyraziflumid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1155 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 15 | G/SPS/N/JPN/1154/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh an toàn thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) cho isopyrazam được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1154 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 16 | G/SPS/N/JPN/1153/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh an toàn thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) cho flutriafol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1153 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 17 | G/SPS/N/JPN/1152/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 08/6/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ an toàn sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Giới hạn mức tồn dư tối đa được đề xuất (MRL) cho fludioxonil được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1152 (ngày 2 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 4 năm 2023. |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1458/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 08/6/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc cho phép sử dụng alpha-cyclodextrin trong các loại thực phẩm khác nhau | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá hiệu quả và an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đệ trình phụ gia thực phẩm xin cấp phép sử dụng alpha-(α)-cyclodextrin trong các loại thực phẩm khác nhau. α-Cyclodextrin là một phụ gia thực phẩm mới ở Canada.Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường đảm bảo tính an toàn và hiệu quả của α-cyclodextrin để sử dụng làm phụ gia thực phẩm. Do đó, Bộ Y tế Canada cho phép sử dụng α-cyclodextrin như được để cập trong tài liệu bằng cách sửa đổi Danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc được phép, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 5 năm 2023.Mục đích của tài liệu này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 19 | G/SPS/N/TPKM/602/Add.1 | ATTP | Đài Loan | 01/6/2023 | Các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với 2′-fucosyllactose được Sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen K-12 MG1655 INB000846 làm thành phần thực phẩm | Đài Loan thông báo rằng "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với 2′-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen K-12 MG1655 INB000846 làm thành phần thực phẩm" theo G/ SPS/N/TPKM/602 ngày 9 tháng 2 năm 2023, được ban hành ngày 01 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực cùng ngày. |
| 20 | G/SPS/N/CHN/1278/Add.1 | BVTV | Trung Quốc | 01/6/2023 | Kiểm tra xuất nhập cảnh và kiểm dịch, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật/kiểm tra xuất nhập cảnh và kiểm dịch của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để tái xuất khẩu | Phiên bản mới của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu của Trung Quốc được triển khai từ ngày 1 tháng 6 năm 2023. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu của Trung Quốc thông báo trong G/SPS/N/CHN/1278 đã được sửa đổi một phần. Các đường link của phiên bản mới của Giấy chứng nhận này của Trung Quốc được thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 như sau:https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/CHN/23\_09974\_00\_x.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/CHN/23\_09974\_01\_x.pdf |
| 21 | G/SPS/N/CAN/1488/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 31/05/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Cyantraniliprole | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho cyantraniliprole được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1488 (ngày 13 tháng 3 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 29 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 2,0 | Đậu măng tây có vỏ ăn được, đậu đũa Trung Quốc có vỏ ăn được2 |
| 1,0 | Đậu măng tây khô, đậu đũa khô, đậu Hà Lan khô, đậu khô, đậu lupin khô, đậu lupin trắng khô3 |
| 0,2 | Đậu hà lan có vỏ mọng nước, đậu lupin có vỏ mọng nước, nước, đậu lupin trắng có vỏ mọng nước4 |

1 ppm = phần triệu |
| 22 | G/SPS/N/CAN/1487/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 31/05/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Abamectin  | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho abamectin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1487 (ngày 7 tháng 3 năm 2023) được thông qua vào ngày 29 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,08 | Rau họ đậu ăn được (nhóm cây trồng 6A); đậu măng tây có vỏ ăn được, đậu đũa có vỏ ăn được |
| 0,01 | Đậu, vỏ khô, trừ đậu tương (nhóm cây trồng 6C); đậu và vỏ mọng nước (nhóm cây trồng 6B); măng tây khô, đậu đũa khô, đậu Hà Lan khô, đậu khô, đậu nành khô, đậu lupin ngọt khô, đậu lupin trắng khô, đậu lupin ngọt trắng khô, đậu lupin ngọt vỏ mọng nước, đậu lupin trắng vỏ mọng nước, đậu vỏ mọng nước đậu lupin ngọt trắng |

1 ppm = phần triệu |
| 23 | G/SPS/N/CAN/1472/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 31/05/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Methomyl | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho methomyl được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1472 (ngày 25 tháng 1 năm 2023) được thông qua vào ngày 26 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp Trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 5,0 | Xà lách ngọn, xà lách lá |

1ppm = phần triệu |
| 24 | G/SPS/N/CAN/1485/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 26/05/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Benzovindiflupyr | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho benzovindiflupyr được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1485 (ngày 28 tháng 2 năm 2023) được thông qua vào ngày 22 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 3,0 | Lá rau ăn củ (nhóm cây trồng 2) |
| 0,6 | Rau củ trừ củ cải đường (nhóm cây trồng 1B, trừ rễ nhân sâm) |
| 0,3 | Rễ nhân sâm |

1ppm = phần triệu |
| 25 | G/SPS/N/CAN/1484/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 26/05/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Carfentrazone-ethyl | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho carfentrazone-ethyl được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1484 (ngày 28 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 22 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,1 | Rau củ (nhóm vụ 3-07); rau ăn lá (nhóm cây trồng 4-13); đậu quả rau (nhóm cây trồng 8-09); bưởi (nhóm vụ 11-09); quả hạch (nhóm vụ 12-09); dâu tây (nhóm cây trồng 13-07B); hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (sửa đổi); hoa hướng dương (phân nhóm cây trồng 20B) (sửa đổi); rau (nhóm cây trồng 22B); lá bạc hà tươi, lá bạc hà khô, lá bạc hà tươi, lá bạc hà khô |

1ppm = phần triệu |
| 26 | G/SPS/N/CAN/1483/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 26/05/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Teflubenzuron | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho teflubenzuron được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1483 (ngày 23 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 18 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 6,0 | Táo khô |
| 1,0 | nho khô |
| 0,7 | quả nho |
| 0,5 | quả táo |
| 0.3 | Dưa vàng, dưa lưới (trừ những loại được liệt kê trong mục này) |
| 0,01 | Cây mía |

 |
| 27 | G/SPS/N/CAN/1482/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 26/05/2023 | Đã thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Oxathiapiprolin | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho oxathiapiprolin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1482 (ngày 23 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 18 tháng 5 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,1 | Nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả có kích thước trung bình đến lớn, vỏ nhẵn, không ăn được (nhóm cây trồng 24B) |

1ppm = phần triệu |
| 28 | G/SPS/N/JPN/1137/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho enramycin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1137 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 29 | G/SPS/N/JPN/1136/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho tiopronin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1136 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 30 | G/SPS/N/JPN/1135/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với sulfathiazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1135 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 31 | G/SPS/N/JPN/1134/Add.1 | ATTP, CLCB, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất chỉ định các chất được sử dụng như một thành phần của hóa chất nông nghiệp và các chất hóa học khác được quy định là "Không được phát hiện" trong thực phẩm đối với natri nifurstyrenate được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1134 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 32 | G/SPS/N/JPN/1133/Add.1 | CN,TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất chỉ định các chất được sử dụng như một thành phần của hóa chất nông nghiệp và các chất hóa học khác được quy định là "Không được phát hiện" trong thực phẩm đối với roxarsone được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1133 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và được xuất bản vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 33 | G/SPS/N/JPN/1132/Add.1 | CN,TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất chỉ định các chất được sử dụng như một thành phần của hóa chất nông nghiệp và các chất hóa học khác được quy định là "Không được phát hiện" trong thực phẩm đối với nitarsone được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1132 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 34 | G/SPS/N/JPN/1131/Add.1 | ATTP, CLCB, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với glycalpyramide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1131 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 35 | G/SPS/N/JPN/1130/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho diaveridine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1130 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 36 | G/SPS/N/JPN/1129/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với tolclofos-metyl được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1129 (ngày 31 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 37 | G/SPS/N/JPN/1128/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất chỉ định các chất được sử dụng như một thành phần của hóa chất nông nghiệp và các chất hóa học khác được quy định là "Chất trong thực phẩm không gây bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe" đối với hương liệu tạo khói được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1128 ( ngày 28 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 38 | G/SPS/N/JPN/1127/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với pyrifluquinazon được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1127 (ngày 28 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 39 | G/SPS/N/JPN/1126/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho mepanipyrim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1126 (ngày 28 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 40 | G/SPS/N/JPN/1125/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 25/05/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho fosthiazate được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1125 (ngày 28 tháng 10 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. |
| 41 | G/SPS/N/BRA/2134/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 25/05/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1141, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1141, ngày 9 tháng 2 năm 2023 - đã được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2134 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất D59 - Dipropyridaz vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và gỗ chất bảo quản, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn 225, ngày 15 tháng 5 năm 2023. |
| 42 | G/SPS/N/BRA/2133/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 25/05/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1140, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1140, ngày 9 tháng 2 năm 2023 - đã được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2133 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất P70: PIRIBENCARB vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và gỗ chất bảo quản, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy chuẩn 226, ngày 15 tháng 5 năm 2023. |
| 43 | G/SPS/N/CAN/1468/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Canada | 24/05/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Florpyrauxifen-benzyl  | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho florpyrauxifen-benzyl được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1468 (ngày 20 tháng 12 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 16 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
|  |  |
| 0,06 | Phụ phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa và cừu |
| 0,02 | Rau ăn củ (nhóm cây trồng 1); rau họ đậu (nhóm cây trồng 6-21); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15-21); hạt có dầu (nhóm cây trồng 20) (sửa đổi); mỡ và thịt gia súc, dê, ngựa và cừu; phỉ; sữa |

1ppm = phần triệu |
| 44 | G/SPS/N/BRA/2136/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 24/05/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1144, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1144, ngày 9 tháng 2 năm 2023 - đã được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2136 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất S24: SEDAXANE vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và gỗ chất bảo quản, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn 224, ngày 15 tháng 5 năm 2023. |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)